

Số: 36 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 01 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và công bố diện tích rừng, chủ rừng thuộc lưu vực Nhà máy thủy điện Trung Xuân, tỉnh Thanh Hoá

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp;*

*Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 243/TTr-SNN&PTNT ngày 24/12/2020 về việc đề nghị phê duyệt và công bố diện tích rừng thuộc lưu vực Nhà máy thủy điện Trung Xuân làm cơ sở để chi trả dịch vụ môi trường rừng (kèm theo hồ sơ có liên quan).*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố diện tích rừng, chủ rừng thuộc lưu vực Nhà máy thủy điện Trung Xuân làm cơ sở để chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng với các nội dung chính như sau:

1. Tổng diện tích lưu vực Nhà máy thủy điện Trung Xuân: 46.617,2 ha; trong đó:

- Diện tích đất có rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng: 44.212,8 ha, chiếm 94,84%.

- Diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng, đất khác: 2.404,2 ha, chiếm 5,16%.

2. Tổng diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho Nhà máy thủy điện Trung Xuân trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá: 44.212,8 ha, trong đó:

- Chủ rừng là tổ chức: 14.180,2 ha, chiếm 32,07%.

- Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân: 30.032,7 ha, chiếm 67,93%.

*(Chi tiết có phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1, Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh, Chi cục Kiểm lâm phối hợp với các đơn vị có

liên quan triển khai thực hiện nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này; định kỳ hàng năm chỉ đạo, tổ chức rà soát, bổ sung diện tích rừng và danh sách chủ rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho Nhà máy thủy điện Trung Xuân để thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác của số liệu diện tích rừng, đối tượng thụ hưởng dịch vụ môi trường rừng được xác định; đồng thời lập kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hàng năm. Chủ trì, phối hợp với Hạt Kiểm lâm các huyện: Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Thường Xuân, UBND các xã trong lưu vực và các đơn vị liên quan bổ sung, cập nhật đầy đủ diện tích rừng, chủ rừng trong lưu vực để xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng; thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng theo đúng quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

3. UBND các huyện: Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Thường Xuân chủ trì, phối hợp với Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh phê duyệt danh sách các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho Nhà máy thủy điện Trung Xuân theo thẩm quyền để thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng hàng năm. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương, chủ rừng trong lưu vực chi trả dịch vụ môi trường rừng thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng và chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện: Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Thường Xuân; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Quỹ Bảo vệ và PT rừng Việt Nam;
- Lưu: VT, NN.

(MC113.12.20)

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**Phụ lục: Diện tích lưu vực, diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng của các chủ rừng thuộc lưu vực Nhà máy thủy điện Trung Xuân.**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

<b>TT</b>	<b>Chủ rừng</b>	<b>Diện tích tự nhiên của chủ rừng trong lưu vực (ha)</b>	<b>Diện tích rừng của chủ rừng trong lưu vực (ha)</b>	<b>Tỷ lệ diện tích rừng trong lưu vực (%)</b>
<b>I</b>	<b>Chủ rừng là tổ chức</b>	<b>14.537,6</b>	<b>14.180,2</b>	<b>32,07</b>
1	Ban quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn	7.586,5	7.485,0	
2	Đồn Biên phòng Tam Thanh	5.654,8	5.480,7	
3	Đồn Biên phòng Bát Mọt	1.296,4	1.214,5	
<b>II</b>	<b>Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân</b>	<b>32.079,5</b>	<b>30.032,7</b>	<b>67,93</b>
1	Hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Quan Sơn	29.917,1	27.971,7	
2	Hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Quan Hoá	596,7	506,1	
3	Hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Lang Chánh	1.022,5	1.020,8	
4	Hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Thường Xuân	543,2	534,1	
	<b>TỔNG</b>	<b>46.617,2</b>	<b>44.212,8</b>	<b>100</b>

*Ghi chú:* Chi tiết diện tích rừng (lô, khoảnh, tiểu khu rừng) có cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định theo Văn bản số 398/BQLQ-QLBVR ngày 23/12/2020 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh.